

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15/7/2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh

Bà Đỗ Thị Xanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Ninh

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **50/2025/TLST-HNGĐ ngày
06 tháng 6 năm 2025**, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01
tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; nơi thường trú: thôn A V,
xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn A V, phường Đ, tỉnh Quảng
Ninh);

Căn cước số: 030193001677; cấp ngày 08/5/2025, tại Bộ C. Vắng mặt (có
đơn xin xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: thôn A
V, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn A V, phường Đ, tỉnh Quảng
Ninh); nơi ở hiện nay: X - Đ - Đài Loan;

Căn cước số: 030088014321; cấp ngày 16/10/2024, tại Bộ C. Vắng mặt (đề
nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị
H trình bày: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện,
có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương (sát nhập
về thôn A V, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh nay là thôn A V, phường Đ, tỉnh
Quảng Ninh) ngày 08/11/2012. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh
phúc; đến năm 2017, chị H và anh T cùng đi lao động tại Đài Loan. Đầu tháng
5/2025, chị H về Việt Nam, còn anh T vẫn sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do
vợ chồng sống cách xa nhau nên phát sinh mâu thuẫn trong về làm ăn và nuôi dạy

con cái, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 11/01/2014 và Nguyễn Thị Kim N, sinh 25/10/2016, hiện các con đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Duy P cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Nguyễn Thị Kim N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng cho con với nhau. Do anh T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, chị H đề nghị Tòa án tạm giao con chung Nguyễn Duy P cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn trình bày của bị đơn anh Nguyễn Văn T (được hợp pháp hoá lãnh sự tại Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ ngày 20/6/2025), thể hiện nội dung:* anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương (sát nhập về thôn A V, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh nay là thôn A V, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh) ngày 08/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2017, vợ chồng cùng đi lao động tại Đài Loan. Đầu tháng 5/2025, chị H về Việt Nam, còn anh T vẫn ở lại Đài Loan làm việc. Thời gian gần đây anh T và chị H thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh T đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H.

Về con chung: anh T và chị H có hai con chung là: Nguyễn Duy P, sinh 11/01/2014 và Nguyễn Thị Kim N, sinh 25/10/2016, hiện các con chung đang ở cùng chị H tại Việt Nam. Khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Duy P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), giao con chung Nguyễn Thị Kim N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng cho con với nhau. Do anh T đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, anh T đề nghị Tòa án tạm giao con chung Nguyễn Duy P cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp và các phiên tòa xét xử vụ án. Anh T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; nơi thường trú: thôn A V, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn A V, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh) thay anh T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao, tổng đạt cho anh T. Ngày chị H nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao, tổng đạt cũng là ngày anh T nhận được.

** Tại Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 12/6/2025:* cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 11/01/2014, trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố, nhưng bố cháu đang ở Đài Loan làm việc nên cháu vẫn ở với mẹ, đợi bố

cháu về Việt Nam nuôi dưỡng, chăm sóc cháu; cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 25/10/2016, trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn anh Nguyễn Văn T; nơi đăng ký thường trú: thôn A V, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn A V, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh); nơi ở hiện nay: X - Đ - Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; Điều 4 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, có bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương (sát nhập về thôn A V, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh nay là thôn A V, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh) ngày 08/11/2012, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H và anh T có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Năm 2017, chị H và anh T cùng đi lao động tại Đài Loan; đầu tháng 5/2025, chị H về Việt Nam, anh T vẫn sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Theo chị H và anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, không còn tình cảm với nhau nữa. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T, anh T đồng ý. Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: chị H và anh T không còn sống chung; vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy

định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

[2.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Duy P, sinh 11/01/2014 và Nguyễn Thị Kim N, sinh 25/10/2016. Chị H và anh T cùng có quan điểm: yêu cầu Tòa án giao con chung Nguyễn Duy P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), giao con chung Nguyễn Thị Kim N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); hai bên không phải cấp dưỡng cho con với nhau. Do anh T đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan nên đề nghị Tòa án tạm giao con chung Nguyễn Duy P cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại các Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cùng với nguyện vọng của các cháu Nguyễn Duy P và Nguyễn Thị Kim N như nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T nên chấp nhận yêu cầu, quan điểm của chị H và anh T về phần nuôi con như nêu trên. Chị H và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 25/10/2016 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Nguyễn Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy P, sinh ngày 11/01/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng cho con với nhau.

Tạm giao con chung Nguyễn Duy P, sinh ngày 11/01/2014 cho chị Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh Nguyễn Văn T về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy chị Nguyễn Thị H (hoặc anh Nguyễn Văn T) không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì chị Nguyễn Thị H (hoặc anh Nguyễn Văn T) có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006045 ngày 06/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Q).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: chị Nguyễn Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa Phúc thẩm, TAND tối cao tại Hà Nội;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Đ,
- tỉnh Quảng Ninh
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng

